

Bản án số 20/2017/KDTM-PT

Ngày 02/6/2017

V/v “Tranh chấp về phần vốn góp, phân chia lợi
nhuận và bồi thường thiệt hại từ việc góp vốn vào
công ty”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Phạm Tấn Hoàng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều-Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Trần Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số
09/2016/TLPT-KDTM ngày 08/11/2016 về “*Tranh chấp về phần vốn góp, phân chia lợi
nhuận và bồi thường thiệt hại từ việc góp vốn vào công ty*” đối với Bản án kinh doanh,
thương mại số 19/2016/KDTM-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố
Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09C ngày 15 tháng 5 năm
2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; địa chỉ: phường BH,
quận HC, thành phố Đà Nẵng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn
Thanh V, Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng (*có mặt*)

Bị đơn: Công ty TNHH MTV D; có trụ sở tại: quận C, thành phố Đà Nẵng.
Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Trần Tuấn L, theo giấy ủy quyền lập ngày
06/11/2015 (*có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH L; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp
luật: Ông SA-Tổng giám đốc và ông OH-Phó Tổng giám đốc Công ty (*Vắng mặt*).

2. Công ty XNK ĐN; địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện
theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L- Trưởng Phòng kinh doanh Công ty XNK ĐN,
theo giấy ủy quyền số 45/UQ-TGD ngày 07/7/2016 (*Có mặt*)

3. Ông Trần P, sinh năm 1955; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông P ủy quyền cho Luật sư Trần Tuấn L, theo Giấy ủy quyền ngày 19/01/2016 (*Có mặt*).
4. Ông Trần Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).
5. Ông Đặng Ngọc C, sinh năm 1963; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).
6. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).
7. Ông Nguyễn Quang A, sinh năm 1960; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).
8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).
9. Bà Trần Thị Mai P, sinh năm 1963; địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty TNHH MTV D) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401471951 (đăng ký lần đầu ngày 18/01/2012), vốn điều lệ 10 tỷ đồng với 08 thành viên tham gia góp vốn. Trong đó, Công ty XNK ĐN góp 8,3 tỉ đồng, chiếm tỉ lệ 83% vốn điều lệ; ông K góp 550.000.000đồng, chiếm tỷ lệ 5,5% vốn điều lệ; ông Đặng Ngọc C góp 250 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ; ông Trần Văn T góp 150 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,5% vốn điều lệ; ông Nguyễn Văn L góp 200 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2% vốn điều lệ; ông Nguyễn Quang A góp 150 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,5% vốn điều lệ; bà Nguyễn Thị T góp 100 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ; bà Trần Thị Mai P góp 300 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 3% vốn điều lệ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV D là ông Trần P - Chủ tịch Hội đồng thành viên; ông Nguyễn Văn K giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Tháng 1/2014, Công ty TNHH MTV D có chủ trương tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng với phương án để được góp thêm vốn vào Công ty TNHH MTV D thì thành viên phải mua cổ phần từ cổ đông của Công ty XNK ĐN; người mua một cổ phần của Công ty XNK ĐN thì được góp thêm vốn vào Công ty TNHH MTV D là 5000đ, ông K đã bỏ tiền mua 97.500 cổ phần của 74 cổ đông của Công ty XNK ĐN, mệnh giá 5.000đ/01 cổ phần, thành tiền là $(97.500 \text{ cp} \times 5.000\text{đ}/01 \text{ cp}) = 487.500.000.000$ đồng (*có hợp đồng kèm theo*); cộng với 8.100 cổ phần ông K đã có từ trước tại Công ty XNK ĐN, thành 105.600 cổ phần. Vì có 105.600 cổ phần tại Công ty XNK ĐN nên ông K được quyền góp thêm 528.000.000đ ($105.600 \text{ cổ phần} \times 5.000\text{đ}/\text{cổ phần}$) vào Công ty TNHH MTV

D và ngày 28/4/2016 ông K đã góp 238.000.000 đồng, ngày 29/4/2014 ông K góp 75.000.000 đồng (*tất cả đều có phiếu thu của Công ty TNHH MTV D*); nhưng Công ty TNHH MTV D không cấp giấy chứng nhận góp vốn đối với số tiền này cho ông K.

Ngày 22/8/2014, Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D tổ chức họp do ông Trần P-Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì, nhưng ông K là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên lại không được mời dự họp. Cuộc họp thống nhất giảm vốn điều lệ từ 10 tỷ xuống 2,9 tỷ, giảm số thành viên từ 8 xuống còn 2 thành viên, cụ thể: Công ty XNK ĐN góp 2,6 tỷ bằng tài sản; bà Trần Thị Mai P góp 300 triệu và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên ngày 04/09/2014. Ngày 22/10/2014, Công ty TNHH MTV D tiếp tục tổ chức họp Hội đồng thành viên (*lúc này chỉ có 2 thành viên*) và lúc này bà P chuyển nhượng phần vốn của Bà tại Công ty TNHH MTV D cho Công ty XNK ĐN, nên Công ty TNHH MTV D chuyển đổi loại hình hoạt động thành Công ty TNHH MTV D theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần 3 ngày 03/11/2014 với chủ sở hữu là Công ty XNK ĐN.

Như vậy, mặc dù ông K không rút vốn khỏi Công ty TNHH MTV D, nhưng từ ngày 04/09/2014 ông K đã bị tước tư cách thành viên Công ty và phần vốn góp của ông K bị Công ty chiếm đoạt để kinh doanh, nay ông K yêu cầu Công ty TNHH MTV D hoàn trả 1.078.000.000 đồng.

Đối với thiệt hại do việc tăng vốn tại Công ty TNHH MTV D:

Công ty Công ty XNK ĐN đã làm ăn thua lỗ trong nhiều năm, từ năm 2009 đến năm 2014 đã mất toàn bộ vốn điều lệ và theo báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 của Công ty XNK ĐN thì vay và nợ vay ngắn hạn là 92.270.861.345 đồng, lỗ 62.483.758.655 đồng nhưng tại phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV D do ông Trần P-Chủ tịch Hội đồng thành viên ban hành tháng 12/2013 quy định "*Cứ 01 cổ phần của cổ đông Công ty XNK ĐN được góp vốn vào Công ty TNHH MTV D là 5.000đ*". Vì mong muốn được góp vốn theo phương án tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV D, ông K đã phải mua mỗi cổ phiếu của Công ty XNK ĐN (*có giá trị bằng không đồng*) với giá 5.000đ/01cp, tổng cộng ông K đã phải mua lại 97.500 cổ phần, mệnh giá 5000đ/cp, thành tiền là 487.500.000đ. Từ 2014 đến nay, ông K không còn quyền lợi gì từ Công ty TNHH MTV D. Do đó, ông K yêu cầu Công ty TNHH MTV D bồi thường 487.500.000 đồng.

Về yêu cầu chia lợi nhuận:

- Trước khi chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV D có 08 thành viên sang Công ty TNHH MTV D có 02 thành viên, Công ty TNHH MTV D đã yêu cầu Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán tài chính 08 tháng của năm 2014 (từ 01/01/2014 đến 31/9/2014). Kết quả kiểm toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/8/2014 thì số dư "*Quỹ đầu tư phát triển*" là 1.009.293.329đ và số dư "*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*" là

2.122.351.538đ, tổng cộng là 3.131.644.867đ. Do đó, ông K đề nghị phân chia số dư này cho 8 thành viên theo tỷ lệ vốn góp, cụ thể của Ông là 172.240.467đ ($3.131.644.867đ \times 5,5\%$).

Yêu cầu Công ty XNK ĐN trả lợi nhuận từ L 471.134,4 JPY, theo tỉ giá ngày 30/9/2016 là 220đ/01 JPY, thành tiền 103.649.568đ.

Đại diện Công ty TNHH MTV D trình bày:

- Về khoản tiền 550.000.000 đồng, ông K góp vốn tại Công ty TNHH MTV D thì Công ty đã cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp này cho ông K, nay Công ty đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông K.

- Về số tiền góp vốn thêm 528.000.000đ thì tháng 1/2014, Công ty TNHH MTV D có chủ trương tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng, nên ông K có góp vốn thêm vào Công ty TNHH MTV D với số tiền 528.000.000đ như ông K trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi ông K góp vốn thêm 528.000.000đ thì Công ty TNHH MTV D không có nhu cầu sử dụng nguồn vốn góp thêm này, nên đã có Công văn số 42-14/CV ngày 20/10/2014 gửi Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D thông báo trả số tiền các cổ đông góp vốn thêm, trong đó trả lại ông K số tiền đã góp thêm 528.000.000đ. Ngày 22/10/2014, Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D họp, thống nhất trả số tiền trên cho các cổ đông. Sau đó, ngày 23/10/2014 bà Trần Thị Mai P - Giám đốc Công ty TNHH MTV D có gọi điện cho ông K đề nghị trả lại số tiền mà ông K đã góp vốn thêm, nhưng ông K không đồng ý nhận lại, nên Công ty TNHH MTV D đã gửi vào tài khoản tiết kiệm của Công ty tại Vietcombank Đà Nẵng. Công ty TNHH MTV D sẽ làm thủ tục để ông K đến Vietcombank Đà Nẵng rút số tiền này bất kỳ lúc nào.

- Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền góp vốn, theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước 9%/năm thì:

+ Đối với khoản tiền góp vốn 550.000.000đ thì khi nào Công ty TNHH L chuyển lãi năm 2013 cho Công ty TNHH MTV D theo Thông báo số 01/KT-SDV ngày 03/3/2014 của Công ty TNHH L thì Công ty TNHH MTV D sẽ xem xét cân đối lỗ, lãi và trả tiền lãi theo quy định cho ông K.

+ Đối với khoản tiền góp vốn thêm 528.000.000đ thì do ông K không đồng ý nhận lại nên Công ty TNHH MTV D đã gửi vào Vietcombank Đà Nẵng, nên sẽ trả cho ông K lãi căn cứ lãi suất tiền gửi tại Vietcombank Đà Nẵng.

- Về yêu cầu bồi thường 487.500.000đ thì từ ngày 07/2/2012, ông K là Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D, nên ông K biết rõ chủ trương và có tham gia xây dựng phương án tăng vốn của Công ty TNHH MTV D. Sau đó, ông K tự nguyện mua cổ phần của các cổ đông trong Công ty XNK ĐN để được góp thêm vốn vào Công ty TNHH MTV D theo phương án đã xây dựng. Thực tế, việc Công ty XNK ĐN kinh doanh thua lỗ, nên việc ông K mất số tiền đã bỏ ra mua cổ phần của các cổ đông tại Công ty XNK ĐN, không thuộc trách nhiệm của Công ty TNHH MTV D.

- Về yêu cầu chia số tiền tại Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế của năm 2013 thì Công ty TNHH MTV D thừa nhận số tiền từ Quỹ đầu tư phát triển

và lợi nhuận sau thuế (*tính đến ngày 31/8/2014*) là 3.131.644.867 đồng như ông K trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc phân chia số tiền này sẽ được Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D xem xét, sau khi nhận được từ Công ty L, nên không chấp nhận phương án phân chia do ông K đưa ra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Công ty XNK ĐN (ông Nguyễn Văn L) trình bày:

Năm 2012, Công ty XNK ĐN tham gia góp vốn vào Công ty TNHH MTV D có 08 thành viên như ông K trình bày. Theo kết quả cuộc họp ngày 30/7/2014 thì các thành viên sẽ thoái vốn, chỉ còn vốn góp của Công ty XNK ĐN. Đối với phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV D có thông qua Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D, nhưng Công ty XNK ĐN không góp thêm vốn. Năm 2012, Công ty TNHH MTV D được thành lập và chỉ được Công ty XNK ĐN giao quản lý phần vốn góp của Công ty XNK ĐN tại Công ty TNHH L (30% vốn góp), nên 30% lợi nhuận năm 2013 tại Công ty TNHH L thuộc về Công ty XNK ĐN, không thuộc về Công ty TNHH MTV. Từ ngày 18/8/2014, Công ty XNK ĐN không giao Công ty TNHH MTV D quản lý phần vốn góp của Công ty XNK ĐN tại Công ty TNHH L nữa. Đối với lợi nhuận tại Công ty TNHH L năm 2012 thì Công ty TNHH L đã chuyển về cho Công ty TNHH MTV D và Công ty TNHH MTV D đã chuyển lại cho Công ty XNK ĐN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Công ty L:

Tại Đơn gửi Tòa án đề ngày 15/01/2016 (bl 496,497) cho biết theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH L ngày 10/02/2014 thì lợi nhuận năm 2013 là 28.553.600 JPY được chia như sau: Sasaki Shoko Co.Ltd. góp 70% vốn, nên được chia 19.987.520 JPY; Công ty TNHH MTV D góp 30% vốn nên được chia 8.566.080 JPY. Tại Công văn 77/CV-SDV ngày 8/7/2016 và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Công ty TNHH L trình bày: Công ty TNHH MTV D được thông báo chỉ là người quản lý vốn của Công ty XNK ĐN tại Công ty TNHH L và đã rút vốn theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 18/8/2014 của Công ty XNK ĐN. Phần lợi nhuận 8.566.080 JPY căn cứ theo yêu cầu của Công ty XNK ĐN và Nghị quyết số 123/NQ-SADAVT ngày 14/8/2015 của Công ty TNHH L thì Công ty TNHH L đã chuyển về Công ty XNK ĐN theo ủy nhiệm chi ngày 16/5/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần P và người đại diện cho ông Phi là ông Trần Tuấn Lợi trình bày:

Thống nhất với trình bày của đại diện của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L trình bày:
Năm 2012 ông L có góp vốn vào Công ty TNHH D là 200.000.000đ, chiếm tỷ lệ 2% vốn điều lệ. Theo nội dung cuộc họp ngày 30/7/2014 thì các thành viên sẽ nhận lại phần vốn đã góp sau khi có tiền lợi nhuận năm 2013 từ Công ty TNHH L chuyển về và hiện nay ông không còn là thành viên Công ty TNHH MTV D nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Mai P, bà

Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Trần Văn T, ông Đặng Ngọc C, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Quang A trình bày: Thống nhất với trình bày của ông K về số tiền góp vốn và tỉ lệ vốn góp và hiện nay họ không còn là thành viên Công ty TNHH MTV D nữa.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 19/2016/KDTM-ST ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 3 Điều 38, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 39; điểm a, b, d, đ, e khoản 1 điều 41 Luật doanh nghiệp 2005. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với yêu cầu được chia lợi nhuận từ số tiền 30% của 9 triệu JPY.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với Công ty TNHH MTV D và Công ty XNK ĐN.

3. Buộc Công ty TNHH MTV D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K các khoản tiền: Tiền góp vốn vào Công ty TNHH D là 1.078.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả của số tiền góp vốn là 201.047.000đ; tiền bồi thường thiệt hại là 487.500.000đ; tiền phân chia lợi nhuận sau thuế và quỹ đầu tư phát triển là 172.240.467đ. Tổng công số tiền phải trả là: 1.938.787.467đ.

4. Buộc Công ty XNK ĐN phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 471.134,4 JPY quy đổi ra tiền Việt Nam là 103.649.568đ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2016 và 12/10/2016 Công ty TNHH MTV D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/10/2016 Công ty XNK ĐN kháng cáo không đồng ý trả ông K 471.134,4 JPY vì cho rằng khoản tiền này đã được tính vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV D .

Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên sửa bản án sơ thẩm, vì tại phiên tòa ông K đã thống nhất số tiền 103.649.568đ mà cấp sơ thẩm đã buộc Công ty XNK ĐN trả đã được tính trong phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty TNHH MTV D .

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty XNK ĐN giữ nguyên kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty XNK ĐN trả 471.134,4 JPY, vì khoản

tiền này đã được quyết toán tại báo cáo tài chính năm 2013 của bị đơn là Công ty TNHH MTV D

[2] Bị đơn Công ty TNHH MTV D (*Sau đây gọi là Công ty TNHH MTV D*) giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, với các lý do:

[2.1] Cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D vào ngày 30/7/2014 và ngày 22/8/2014, các thành viên là cá nhân (*trừ bà Trần Thị Mai P*) đã thống nhất rút số vốn đã góp vào Công ty TNHH MTV D nên Công ty TNHH MTV D đã ban hành văn bản số 23-16/CV ngày 19/8/2016 thông báo trả lại phần vốn góp cho các thành viên sáng lập đã góp vốn ban đầu, trong đó có ông Nguyễn Văn K là 550.000.000 đồng.

Đối với số vốn góp 528.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn K góp thêm theo chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV D vào tháng 01/2014 để thực hiện dự án mở rộng nhà kho và phân xưởng sản xuất tại đường số 9, khu công nghiệp Hoà Cầm: Số vốn góp này, sau khi ông K góp vốn thì công ty không còn nhu cầu sử dụng vốn theo dự án nên Công ty TNHH MTV D có Công văn số 42-14 ngày 20/10/2014 và cuộc họp hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D ngày 22/10/2014 đã thống nhất chuyển trả số tiền 528.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn K nhưng ông K không chịu nhận lại tiền. Hiện nay, số tiền trả cho ông K Công ty TNHH MTV D đã gửi vào tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank Đà Nẵng. Cho nên, bản án sơ thẩm nhận định cho rằng Công ty TNHH MTV D chiếm dụng là không đúng.

[2.2] Số tiền lãi 201.047.000 đồng của số tiền góp vốn 1.078.000.000 đồng: Đây là số tiền ông K góp vốn, không phải là số tiền Công ty TNHH MTV D nợ ông K nên không thể tính lãi suất 9%/năm như bản án sơ thẩm đã tuyên buộc.

[2.3] Ông Nguyễn Văn K mua cổ phần riêng lẻ của các cá nhân cổ đông Công ty XNK ĐN để góp vốn vào Công ty TNHH MTV D theo chủ trương tăng vốn là do ông K tự nguyện, Công ty TNHH MTV D không ép buộc ông K phải mua nên ông K phải chịu thiệt hại và Công ty TNHH MTV D không phải bồi thường số tiền thiệt hại 487.500.000 đồng.

[2.4] Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2013 được phân chia như thế nào là do Hội đồng quản trị Công ty XNK ĐN quyết định. Bản án sơ thẩm chia cho ông K số tiền 172.240.467 đồng là thiếu cơ sở.

[2.5] Khoản tiền 103.649.568 đồng đã được quyết toán tại báo cáo tài chính năm 2013 của bị đơn là Công ty TNHH MTV D

[3] Xét kháng cáo của Công ty XNK ĐN và kháng cáo của Công ty TNHH MTV D thì thấy:

[3.1] Về số tiền góp vốn 1.078.000.000 đồng và số tiền bồi thường thiệt hại 487.500.000 đồng:

[3.1.1] Tại thời điểm thành lập Công ty TNHH MTV D ngày 18/01/2012, ông Nguyễn Văn K là thành viên sáng lập đã góp vốn 550.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 5,5% vốn điều lệ và ông K đã được Công ty TNHH MTV D cấp giấy chứng nhận góp vốn.

[3.1.2] Tháng 01/2014 Công ty TNHH MTV D có chủ trương tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng để thực hiện dự án mở rộng nhà kho, phân xưởng

sản xuất tại đường số 9, khu công nghiệp Hoà Cầm và ngày 15/2/2014 Công ty TNHH MTV D ra thông báo phát hành tăng vốn điều lệ số 10-14/TB/C.T với quy định: *Để được góp vốn vào Công ty TNHH MTV D thì thành viên phải sở hữu cổ phần của Công ty XNK ĐN và góp vào Công ty TNHH MTV D 5.000 đồng/ 01 cổ phần.*

[3.1.3] Thực hiện theo chủ trương tăng vốn và thông báo nêu trên, ông Nguyễn Văn K đã mua lại 97.500 cổ phần của 74 cổ đông Công ty XNK ĐN , với số tiền ông K đã trả cho 74 cổ đông là 487.500.000 đồng.

[3.1.4] Bên cạnh việc ông K mua lại 97.500 cổ phần của 74 cổ đông Công ty XNK ĐN, ông Nguyễn Văn K còn có 8.100 cổ phần tại Công ty XNK ĐN nên tổng số cổ phần ông K có là 105.600 cổ phần. Vì vậy, ông Nguyễn Văn K góp vào Công ty TNHH MTV D số tiền là 528.000.000 đồng (*105.600 cổ phần X 5.000 đồng/ 01 cổ phần*) theo các chứng từ nộp tiền ngày 28/2/2014 (238.000.000 đồng); ngày 29/4/2014 (146.000.000 đồng); ngày 29/4/2014 (69.500.000 đồng) và ngày 29/5/2014 (74.500.000 đồng). Theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật doanh nghiệp 2005: " *Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp*". Như vậy, ngày 29/5/2014 ông Nguyễn Văn K phải được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp 528.000.000 đồng và ông K có các quyền của thành viên đối với phần vốn góp này theo quy định tại Điều 41 Luật doanh nghiệp 2005. Đồng thời, Công ty TNHH MTV D phải đăng ký việc tăng vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh theo như nội dung của phương án tăng vốn và thông báo phát hành tăng vốn điều lệ số 10-14/TB/C.T của Công ty trách nhiệm hữu hạn D: " *Trường hợp sau thời gian phát hành tăng vốn mà phía cổ đông Công ty XNK ĐN Đà Nẵng không tham gia đủ 6.000.000.000 đồng thì công ty TNHH D sẽ chỉ sử dụng số vốn tăng thêm thực tế để phục vụ cho sản xuất kinh doanh lâu dài của Công ty mà không huy động vốn các thành viên mới bên ngoài Công ty.*" Theo quy định tại khoản 4, Điều 60 Luật doanh nghiệp 2005 nhưng Công ty TNHH MTV D chẳng những không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận vốn góp, không cho ông K thực hiện các quyền của thành viên góp vốn và đăng ký tăng vốn theo quy định của pháp luật mà tiến hành tổ chức các cuộc họp hội đồng thành viên (*không có sự tham gia của ông K*) vào ngày 31/7/2014, ngày 22/8/2014 để giảm vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng xuống còn 2,9 tỷ đồng, bằng phương thức: Công ty XNK ĐN rút toàn bộ giá trị vốn góp liên doanh L tại Công ty TNHH MTV D là 5.746.665.964 đồng và trả lại toàn bộ vốn góp ban đầu cho các thành viên sáng lập là cá nhân (*trừ bà Trần Thị Mai P*) và đăng ký kinh doanh lại lần thứ 2 vào ngày 04/9/2014, với 02 thành viên góp vốn là Công ty XNK ĐN (2.600.000.000đồng) và bà Trần Thị Mai P (300.000.000đồng).

[3.1.5] Việc giảm vốn điều lệ nêu trên của Công ty TNHH MTV D là trái với quy định tại khoản 3, Điều 60 Luật doanh nghiệp 2005 và điểm a, khoản 3, Điều 13 Điều lệ Công ty TNHH MTV D . Bên cạnh đó, Tại biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 22/8/2014 (*Quyết định việc giảm vốn điều lệ*) ông Trần P- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D và cũng là đại diện Công ty XNK ĐN cũng xác định các thành viên góp vốn có quyền không rút vốn đã góp: "*Các cổ đông 1,7 tỷ thành viên có quyền rút vốn hoặc không rút vốn...*" và ông Nguyễn Văn K không rút vốn, không có yêu cầu Công ty TNHH MTV D mua lại phần vốn góp của ông K và ông K cũng không chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định tại Điều 43, 44 Luật doanh nghiệp 2005 thì ông K đương nhiên còn là thành viên của Công ty TNHH MTV D nhưng Công ty TNHH MTV D

đăng ký kinh doanh lại lần thứ 2 vào ngày 04/9/2014 đã không đăng ký tên thành viên Nguyễn Văn K với số vốn góp 1.078.000.000 đồng, là tước đoạt trái pháp luật quyền sở hữu tài sản của ông K. Mặt khác, theo báo cáo kiểm toán năm 2013, năm 2014 thể hiện Công ty XNK ĐN luôn luôn bị thua lỗ, nợ vay ngắn hạn của ngân hàng cao: “*Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty XNK ĐN đã có số lỗ lũy kế là 62,5 tỷ đồng và khoản lỗ này đã vượt quá vốn đầu tư của công ty là 42 tỷ đồng*”. ông K là cổ đông của Công ty XNK ĐN biết rõ tình trạng của Công ty XNK ĐN nhưng ông K vẫn mua 97.500 cổ phần của 74 cổ đông Công ty XNK ĐN, vì theo quy định mang tính ràng buộc của Công ty TNHH MTV D là: *Để được góp vốn vào Công ty TNHH MTV D thì thành viên phải sở hữu cổ phần của Công ty XNK ĐN và góp vào Công ty TNHH MTV D 5.000 đồng/ 01 cổ phần*. ông K mua lại cổ phần của Công ty XNK ĐN là để góp thêm vốn vào Công ty TNHH MTV D nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận nhưng sau khi góp thêm vốn thì Công ty TNHH MTV D không cho ông K thực hiện các quyền của thành viên góp vốn, quyền của chủ sở hữu tài sản. Vì vậy, ông K có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại và Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định buộc Công ty TNHH MTV D trả lại cho ông K số vốn góp là 1.078.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền 487.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 166; 169 và 170 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, việc ông K đã được Công ty TNHH MTV D bồi thường số tiền đã mua cổ phần của Công ty XNK ĐN là 487.500.000 đồng nhưng ông K vẫn còn là chủ sở hữu 97.500 cổ phần tại Công ty XNK ĐN là không phù hợp. Cho nên, cấp phúc thẩm giao 97.500 cổ phần của ông K tại Công ty XNK ĐN cho Công ty TNHH MTV D được quyền sở hữu.

[3.2] Về số tiền lãi suất 201.047.000 đồng của số tiền góp vốn:

Ông K đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV D với tổng số tiền là 1.078.000.000 đồng. Trong đó:

Số tiền góp vốn năm 2012 là 550.000.000 đồng: Công ty TNHH MTV D cho rằng tại biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 30/7/2014 ông K thống nhất thoái vốn và ngày 19/8/2016 Công ty TNHH MTV D ban hành Công văn số 23-16/CV thông báo trả lại phần vốn góp cho các cổ đông sáng lập (*trong đó có ông K*). Tuy nhiên, thời điểm ban hành công văn số 23-16/CV (*ngày 19/8/2016*) là sau khi ông K khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thụ lý vụ án. Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 30/7/2014 không có chữ ký của ông K, ông K khai không được tham gia cuộc họp và cho đến nay ông K vẫn chưa nhận được số tiền này. Cho nên, không có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K thống nhất rút vốn góp 550.000.000 đồng khi Công ty TNHH MTV D quyết định giảm vốn điều lệ.

+ Số tiền góp vốn năm 2014 theo phương án tăng vốn điều lệ là 528.000.000 đồng: Công ty TNHH MTV D cho rằng sau khi ông K nộp tiền thì Công ty TNHH MTV D không có nhu cầu sử dụng nên Công ty đã thông báo trả lại cho ông K nhưng ông K không chịu nhận lại tiền. Vì vậy, Công ty TNHH MTV D đã gửi số tiền của ông K vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Đà Nẵng: Khai nại của Công ty TNHH MTV D không được chấp nhận vì ông K cho rằng không nhận được thông báo và Công ty TNHH MTV D không có chứng cứ chứng minh việc ông K đã nhận được thông báo trả lại số tiền này. Bên cạnh đó, xác nhận số dư tài khoản của Công ty TNHH MTV D của Ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Đà Nẵng ngày 21/7/2016 không thể hiện đây là số tiền vốn góp của ông K. Mặt khác, theo phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH

MTV D thì mục đích của việc tăng vốn điều lệ nhằm mở rộng nhà kho và phân xưởng sản xuất tại khu CN Hòa Cẩm. Việc mở rộng nhà kho và phân xưởng sản xuất này đã được báo cáo kiểm toán năm 2014 xác nhận; được cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV D ngày 22/10/2014 ghi nhận và được ông Trần P khai nhận tại đơn trình bày ngày 13/01/2016: “*Hiện tại theo phương án trên Công ty đã tiến hành xây dựng kho số 2 với diện tích 2300m² tại khu công nghiệp Hòa Cẩm với tổng giá trị 4.455.104.083 đồng nhưng vẫn còn nợ chủ đầu tư thanh toán 885.228.810 đồng*”. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bị đơn cũng thừa nhận số tiền mà ông K đã nộp theo phương án tăng vốn điều lệ 528.000.000 đồng đã được đầu tư xây dựng nhà xưởng, nhà kho của công ty nên có cơ sở xác định số tiền 528.000.000 đồng mà ông K đã góp vào theo phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV D đã được Công ty TNHH MTV D sử dụng.

Với những phân tích nêu trên, nếu Công ty TNHH MTV D xác định ông Nguyễn Văn K không còn là thành viên thì Công ty TNHH MTV D phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn 1.078.000.000 đồng cho ông K kể từ ngày ông K không còn là thành viên (Ngày 04/9/2014) nhưng Công ty TNHH MTV D dùng số tiền góp vốn của ông K vào việc sản xuất kinh doanh. Do đó, số tiền 1.078.000.000 đồng được xem là khoản nợ của Công ty TNHH MTV D đối với ông K và Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công ty TNHH MTV D phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố kể từ ngày 04/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của ông K là đúng quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.3] Về số tiền quỹ đầu tư phát triển và phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2013 chưa phân phối 172.240.467đồng:

Theo biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/10/2014; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV D; các tài liệu của Chi cục thuế quận Hải Châu cung cấp và lời khai thừa nhận của Công ty TNHH MTV D thì tổng số tiền quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31/8/2014 là 3.131.644.867 đồng. Trong đó: Lợi nhuận sau thuế là 2.122.351.538 đồng; quỹ đầu tư phát triển là 1.009.293.329 đồng.

[3.3.1] Quỹ đầu tư phát triển là loại quỹ được trích lập từ lợi nhuận và để sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp nên đây là tài sản chung của các thành viên góp vốn và như đã phân tích trên, Nguyễn Văn K không rút vốn, không có yêu cầu Công ty TNHH MTV D mua lại phần vốn góp của ông K và ông K cũng không chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác mà ông K bị Công ty TNHH MTV D tự ý loại khỏi tự cách thành viên. Vì vậy, khi ông K không còn là thành viên Công ty TNHH MTV D thì số tiền 1.009.293.329 đồng của Quỹ đầu tư phát triển phải được chia cho ông K theo tỷ lệ vốn góp như bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ và mới đảm bảo quyền lợi của ông K.

[3.3.2] Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế chưa chia cho chủ sở hữu (hoặc chưa trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ tăng vốn cho chủ sở hữu, quỹ dự phòng... các quỹ này đều nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đem lại lợi ích cho các thành viên còn lại). Công ty TNHH MTV D thừa nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/8/2014 là 2.122.351.538 đồng. Do đó, theo quy định điểm d khoản 1 Điều 41 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì các thành viên “*được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp*” và Công ty TNHH MTV D hiện tại chỉ còn 01 thành viên nên việc Công ty

TNHH MTV D cho rằng số tiền lợi nhuận này được chia như thế nào do Hội đồng quản trị Công ty XNK ĐN quyết định là không phù hợp và không thể chấp nhận.

[3.4] Về số tiền lãi của năm 2013 từ lợi nhuận của Công ty TNHH L 103.649.568 đồng:

Kháng cáo của Công ty TNHH MTV D và Công ty XNK ĐN cho rằng khoản tiền 103.649.568 đồng đã được quyết toán tại báo cáo tài chính năm 2013 của bị đơn là Công ty TNHH MTV D: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thống nhất đối với kháng cáo của bị đơn là số tiền 103.649.568 đồng đã được giải quyết trong số tiền lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty TNHH MTV D. Do đó, HĐXX chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV D và Công ty XNK ĐN về khoản tiền 103.649.568 đồng và sửa bản án sơ thẩm.

Hiện nay, Công ty TNHH MTV D là Công ty con của Công ty XNK ĐN, có 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đà Nẵng nên số tiền Công ty TNHH L chuyển lợi nhuận năm 2013 cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đà Nẵng do nội bộ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đà Nẵng giải quyết.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty TNHH MTV D và Công ty XNK ĐN được chấp nhận nên không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm và cấp phúc thẩm sửa lại án phí KDTM sơ thẩm cho phù hợp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 4, Điều 39; Điều 41; Điều 43; Điều 44; khoản 3, khoản 4 Điều 60 Luật doanh nghiệp 2005 và Điều 166; Điều 169; Điều 170; Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV D và kháng cáo của Công ty XNK ĐN.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2016/KDTM-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

- Buộc Công ty TNHH MTV D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn K các khoản như sau:

Tiền góp vốn: 1.078.000.000 đồng.

Tiền lãi chậm trả của số tiền góp vốn: 201.047.000 đồng.

Tiền bồi thường thiệt hại: 487.500.000 đồng.

Tiền phân chia quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế: 172.240.467 đồng.

Tổng cộng: 1.938.787.467 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng y)

- Giao 97.500 cổ phần của ông Nguyễn Văn K tại Công ty XNK ĐN (ông K mua của 74 cổ đông Công ty XNK ĐN) cho Công ty TNHH MTV D được quyền sở hữu.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K về phần chia số tiền lãi của năm 2013 từ lợi nhuận của Công ty L, số tiền 103.649.568 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì

hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:
- + Công ty TNHH MTV D phải chịu 70.163.624 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn K phải chịu là 5.182.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 33.500.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0769 ngày 23/10/2015. Như vậy, số tiền tạm ứng án phí ông K được hoàn trả là 28.318.000 đồng

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:
- + Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV D số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0930 ngày 21/10/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho Công ty XNK ĐN số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0931 ngày 21/10/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 02/6/2017.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Lê Phước Thanh